

Số: **1172/GCN-BXD**

Hà Nội, ngày **20** tháng **8** năm **2019**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Minh Tâm Tây Bắc và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 26/7/2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Minh Tâm Tây Bắc,

Mã số thuế: 5500343004

Địa chỉ: Bản Hua Tạt, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm và kiểm định xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Bản Hua Tạt, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1573**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Minh Tâm Tây Bắc;
- Sở XD Sơn La;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1573

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **1172**/GCN-BXD, ngày **20** tháng **8** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định giới hạn bền uốn, bền nén	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích của xi măng	TCVN 6017:2015
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 93
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:79
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 93
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 93
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114: 93
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 93
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 93
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 93
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 93
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 93
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Thành phần cỡ hạt; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica.	TCVN 7572:06
	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:12
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95
	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm (Nén không nở hông)	TCVN 4200:12
	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	TCVN 332-06
5	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
	Thử kéo	TCVN 197:2014
	Thử uốn	TCVN 198:2008
	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:10
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860:11
7	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	XĐ dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:71
	XĐ độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP phễu rót cát	22TCN 346:06
	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:11
	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11
	Xác định mô đun đàn hồi (E) của nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:11
	Mô đun biến dạng tại hiện trường qua tấm nén phẳng	TCVN 9354:12
	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:93
8	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG, VỮA CHO BÊ TÔNG NHẸ	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:03
	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao và chiều dài	TCVN 9204:12
9	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ bền nén; Cường độ uốn; Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ rỗng	TCVN 6355:09
10	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ bền nén; Độ hút nước; Độ rỗng; Độ thấm nước	TCVN 6477:16
11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ bền nén; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 6476:99
12	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Hệ số háo nước; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:84
13	BÊ TÔNG NHẸ - GẠCH BÊ TÔNG BỘT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
	Xác định kích thước, khuyết tật hình dạng; Xác định cường độ chịu nén; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định độ hút nước.	TCVN 9030:11
14	BÊ TÔNG NHẸ - BLOCK BÊ TÔNG CHUNG KHÍ ÁP (ACC)	
	Xác định kích thước, sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén; Xác định khối lượng thể	TCVN 7959:11

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	tích khô.	
15	GẠCH TERRAZO	
	Xác định kích thước, sai lệch kích thước, chất lượng bề mặt và khuyết tật ngoại quan; Độ bền uốn; Độ mài mòn bề mặt; Độ hút nước	TCVN 7744:07
16	PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không hòa tan	TCVN 4506:12
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4506:12
	Xác định độ PH	TCVN 6492:99
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96

Ghi chú (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.